

BIỂU SỐ 23/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT YÊU CẦU TUYÊN BỐ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ THEO THỦ TỤC XEM XÉT LẠI ĐƠN ĐỀ NGHỊ, KHÁNG NGHỊ

- **Dòng 1 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được hồ sơ vụ việc phá sản của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 2 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số việc VKS mới nhận được hồ sơ vụ việc của Tòa án (Khoản 3 Điều 44 và Khoản 1 Điều 112 Luật Phá sản trong kỳ thống kê).

- **Dòng 3 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số việc cũ + số việc mới

(Dòng 3 = Dòng 1 + Dòng 2)

- **Dòng 4 (Số việc Tòa án đã giải quyết xong (đã mở phiên họp):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Tr. đó: Số việc đề nghị xem xét lại, VKS kháng nghị):** Thống kê số việc) người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chủ nợ, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính có đề nghị, VKS kháng nghị xem xét lại quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà Tòa án đã mở phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Tr. đó: Số việc VKS kháng nghị):** Thống kê số việc VKS kháng nghị mà Tòa án đã mở phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Tr. đó: Số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS.

- **Dòng 8 (Số việc Tòa án giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản):** Thống kê số việc Tòa án không chấp nhận đề nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của tòa án cấp dưới (điểm a Khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản).

- **Dòng 9 (Số việc Tòa án hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản):** Thống kê số việc Tòa án hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định

không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản (Điểm b Khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản).

- **Dòng 10 (Số việc Toà án hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Toà án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản):** Thống kê số việc Toà án hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Toà án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản (Điểm c Khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản).

- **Dòng 11 (Số việc Toà án giữ nguyên quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản):** Thống kê số việc Toà án không chấp nhận đơn đề nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điểm a Khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản).

- **Dòng 12 (Số việc Toà án sửa quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản):** Thống kê số việc Toà án sửa quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điểm b Khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản).

- **Dòng 13 (Số việc Toà án hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao cho Toà án cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại):** Thống kê số việc Toà án hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao cho Toà án cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại (Điểm c Khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản).

- **Dòng 14 (Số quyết định Toà án gửi cho VKS):** Thống kê số quyết định của Toà án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Số quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Toà án cùng cấp, VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 16 (Tr. đó: Số quyết định VKS cấp dưới chuyển đến):** Thống kê số quyết định VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 17 (Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Toà án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê.

- **Dòng 18 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Toà án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 19 (Số bản kiến nghị của VKS trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo thủ tục xem xét lại đơn đề nghị, kháng nghị):** Thống kê số kiến nghị của VKS trong quá trình giải

quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo thủ tục xem xét lại đơn đề nghị, kháng nghị trong kỳ thống kê (Điều 44, 85, 70, 86, 105, 112 Luật Phá sản; Điều 140 BLTTDS).

- **Dòng 20 (Tr. đó: Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Về áp dụng thủ tục rút gọn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 105 Luật Phá sản).

- **Dòng 22 (Về gửi quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn) :** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về gửi quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn.

- **Dòng 23 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 24 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án đã có văn bản của Tòa án về việc không chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 25 (Số đơn đề nghị của người tham gia thủ tục phá sản, kiến nghị của VKSNDTC hoặc kiến nghị của TAND đối với TANDTC xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục đặc biệt):** Thống kê số đơn đề nghị của người tham gia thủ tục phá sản, kiến nghị của VKSNDTC hoặc kiến nghị của TAND đối với Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX phá sản theo thủ tục đặc biệt trong kỳ thống kê (Điều 113 Luật Phá sản).

- **Dòng 26 (Tr. đó: Số bản kiến nghị của VKSND tối cao):** Thống kê số kiến nghị của VKSNDTC đối với Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX phá sản theo thủ tục đặc biệt trong kỳ thống kê (Điều 113 Luật Phá sản).

- **Dòng 27 (Tr. đó: Số bản kiến nghị của VKS được chấp nhận):** Thống kê số việc Tòa án nhân dân tối cao đã ra quyết định giải quyết và chấp nhận kiến nghị của VKSNDTC về xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, HTX phá sản.